

KẾ HOẠCH

Triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh Hà Nam

Căn cứ Quyết định số 392/QĐ-BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về phê duyệt Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam xây dựng Kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai hiệu quả, đồng bộ các nội dung tại Quyết định 392/QĐ- BTTTT ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số.

- Thu thập, cập nhật thông tin, hình thành cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh tích hợp với cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia, để chia sẻ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khai thác, xây dựng các bản đồ số chuyên ngành phục vụ nhu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

2. Yêu cầu

- Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị, doanh nghiệp liên quan triển khai Kế hoạch.

- Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về Kế hoạch trên các phương tiện thông tin đại chúng: báo chí, phát thanh truyền hình, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, nền tảng số, mạng xã hội.

II. ĐỐI TƯỢNG THAM GIA

1. Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường và các sở, ban, ngành liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

2. Bưu điện tỉnh (Trực thuộc Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam là đơn vị phát triển Nền tảng địa chỉ số) và doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số.

3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

III. NỘI DUNG

1. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật, website và ứng dụng di động (cả Android và IOS) cho Nền tảng địa chỉ số để người dân và cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có thể tham gia khai báo, tạo lập, tra cứu và khai thác cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

- Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Nền tảng bản đồ số để tích hợp với hệ thống nền tảng địa chỉ số quốc gia. Cập nhật, bổ sung dữ liệu giao thông phục vụ Nền tảng bản đồ số.

- Xây dựng hệ thống, công cụ, phần mềm, ứng dụng di động (mobile app) để thu thập, cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu địa chỉ số và cung cấp dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số.

- Thực hiện các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số.

2. Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số

- Tạo lập cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh để triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số. Cơ sở dữ liệu địa chỉ số của tỉnh phải có cấu trúc phù hợp với cấu trúc nền tảng địa chỉ số tại Phụ lục I và phân loại đối tượng được gán địa chỉ số tại Phụ lục II Kế hoạch này. Dữ liệu địa chỉ số bao gồm các trường thông tin cơ bản và nâng cao quy định tại mục 2.2 Phụ lục I của kế hoạch này.

- Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại Phụ lục II vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia. Một địa chỉ số khi thu thập, cập nhật dữ liệu phải đảm bảo tối thiểu có đủ các trường thông tin cơ bản. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp thu thập, cập nhật các trường thông tin nâng cao để phục vụ công tác thông báo địa chỉ số và phát triển nền tảng, cơ sở dữ liệu địa chỉ số đáp ứng nhu cầu kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác.

- Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;

- Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa,...

- Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.

4. Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số tại địa bàn tỉnh

a) Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gắn địa chỉ, bao gồm:

- Chủ sở hữu đối tượng/công trình được gắn địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình);

- Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng/công trình được gắn địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể);

- Người đang sử dụng/quản lý đối tượng/công trình được gắn địa chỉ số.

b) Hình thức thông báo: việc thông báo địa chỉ số tới chủ địa chỉ có thể qua các kênh như: qua chính quyền xã, thôn, khối phố; qua tổ công nghệ cộng đồng; gặp trực tiếp; hoặc gửi qua tin nhắn, email, đường thư.

c) Gắn biển địa chỉ số:

- Biển địa chỉ số chứa thông tin Mã địa chỉ số được gắn vào đối tượng/công trình được gắn địa chỉ để nhận biết địa chỉ số của đối tượng.

- Mẫu Biển địa chỉ số thống nhất trong toàn tỉnh theo mẫu của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Khuyến khích Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai đồng bộ việc gắn biển địa chỉ số, với nguồn kinh phí xã hội hoá, hoặc được hỗ trợ từ ngân sách phù hợp quy định pháp luật và điều kiện thực tế của từng địa phương.

5. Tổ chức thông tin, tuyên truyền

- Nội dung thông tin, tuyên truyền: Kế hoạch phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của Bộ Thông tin và Truyền thông, của Ủy ban nhân dân tỉnh; giới thiệu chức năng, tính năng chính, lợi ích khi sử dụng, hiệu quả hoạt động của nền tảng địa chỉ số, hướng dẫn sử dụng.

- Phương thức thông tin, tuyên truyền: Xây dựng tài liệu, ấn phẩm truyền thông; thường xuyên tổng hợp và cung cấp thông tin, tuyên truyền, quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh, truyền hình, công/trang thông tin điện tử, truyền thanh cơ sở và theo các phương thức khác, nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân.

- Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia.

(Chi tiết phân công thực hiện nhiệm vụ năm 2022 tại Phụ lục III).

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch này gồm: Kinh phí của các doanh nghiệp liên quan theo quy định của pháp luật; nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành và khuyến khích huy động từ các nguồn lực xã hội hóa.

- Các sở, ban ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động tổng hợp chung vào dự toán của cơ quan, đơn vị để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Bưu điện tỉnh, các doanh nghiệp chủ động bố trí kinh phí và các nguồn lực của đơn vị để thực hiện Kế hoạch này.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là đầu mối chủ trì, phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Bưu điện tỉnh thực hiện các nội dung của Kế hoạch này.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch. Tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

Phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông, Bưu điện tỉnh cung cấp thông tin dữ liệu liên quan đến bản đồ số, địa chỉ số để phát triển nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của tỉnh.

3. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí thường xuyên theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn liên quan phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

4. Bưu điện tỉnh

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Định kỳ quý, năm báo cáo (báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

5. Báo Hà Nam, Đài phát thanh và Truyền hình Hà Nam

- Phối hợp với các đơn vị liên quan trong tuyên truyền, quảng bá Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hà Nam.

- Lồng ghép xây dựng, đăng tải và phát các bản tin, phóng sự về Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hà Nam trong các chương trình chuyển đổi số của tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

- Thực hiện các nhiệm vụ cụ thể được giao tại Phụ lục III Kế hoạch này, các nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở, công thông tin điện tử về việc triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hà Nam.

- Chỉ đạo chính quyền xã, thôn, tổ dân phố, tổ công nghệ số cộng đồng phối hợp với đơn vị chức năng trong thu thập, cập nhật các trường thông tin và thông báo địa chỉ số, cơ sở dữ liệu địa chỉ số để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Chủ động đưa ứng dụng Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hà Nam vào sử dụng phục vụ các lĩnh vực.

- Định kỳ quý, năm báo cáo (báo cáo quý trước ngày 20 tháng cuối quý và báo cáo năm trước ngày 20/11) kết quả thực hiện gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông.

7. Các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, đơn vị

Phối hợp cung cấp thông tin; ứng dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tại Hà Nam trong công việc.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số trên địa bàn tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có văn bản đề xuất gửi về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Bru điện tỉnh, Viettel Hà Nam, VNPT Hà Nam;
- Báo Hà Nam, Đài PT&TH Hà Nam;
- VPUB: CPVP, KGVX;
- Lưu: VT, KGVX(Dàn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đức Vượng

Phụ lục I
CẤU TRÚC NỀN TẢNG ĐỊA CHỈ SỐ VÀ
NGUYÊN TẮC GÁN ĐỊA CHỈ SỐ

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

1. Các khái niệm

1.1. Địa chỉ số là tập hợp thông tin nhằm xác định vị trí, tọa độ của một địa danh hoặc một đối tượng bất kỳ gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Đối tượng được gán địa chỉ số)

1.2. Đối tượng được gán địa chỉ số (gọi tắt là đối tượng) là nhà ở, trụ sở, cơ sở sản xuất kinh doanh, công trình xây dựng, địa danh hoặc bất cứ cấu trúc vật lý gắn liền với đất nào cần xác định vị trí để phục vụ nhu cầu đa dạng của người dân, doanh nghiệp, nhà nước và toàn xã hội. Đối tượng gán địa chỉ số được phân loại trong phụ lục II kèm theo.

1.3. Mã địa chỉ số được biểu diễn dưới dạng ký tự số, dễ nhớ, dễ sử dụng, đảm bảo tính duy nhất và có thể thay thế địa chỉ hành chính (nếu cần).

2. Cấu trúc địa chỉ số

Địa chỉ số bao gồm Mã địa chỉ số và các trường thông tin địa chỉ số

2.1. Mã địa chỉ số: gồm tập hợp 10 (mười) ký tự số, xác định đối tượng được gán địa chỉ số, cụ thể:

- Năm (05) ký tự số đầu gọi là Mã khu vực, xác định đơn vị hành chính cấp phường, xã và đơn vị hành chính tương đương.

- Năm (05) ký tự số tiếp theo gọi là Mã mở rộng, được gán ngẫu nhiên đến từng Đối tượng cụ thể.

Cấu trúc Mã địa chỉ số thể hiện trong hình sau:

Cấu trúc địa chỉ số

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----

Mã khu vực

(tổ hợp 0-9, gán đến đơn vị hành chính cấp xã)

Được gán đến từng đơn vị hành chính cấp phường/xã.

Mã mở rộng

(tổ hợp 0-9, gán ngẫu nhiên tới từng địa chỉ vật lý cụ thể trong phạm vi khu vực)

Được gán đến từng nhà ở, trụ sở, công trình, địa điểm cần gán địa chỉ. Duy nhất cho mỗi khu vực

2.2. Các trường thông tin địa chỉ số

a) Các trường thông tin cơ bản

(1) Tên hoặc dấu hiệu nhận biết Đối tượng: là tên, mã số (nếu có) hoặc miêu tả đặc điểm, dấu hiệu nhận biết của đối tượng được gán địa chỉ số.

(2) Địa chỉ hành chính hoặc khu vực hành chính của Đối tượng: là địa chỉ hành chính (nếu có) như số nhà, tên đường, ..., hoặc thông tin khu vực hành chính của Đối tượng (như thôn/xóm, xã/phường, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

(3) Loại đối tượng: thông tin về loại của Đối tượng được gán địa chỉ số theo quy định phân loại tại Phụ lục I Kế hoạch này.

(4) Tọa độ địa chỉ: là kinh độ, vĩ độ của vị trí cho phép tiếp cận Đối tượng được gán địa chỉ số từ đường giao thông (cổng vào, lối vào của Đối tượng); Trường hợp Đối tượng có cổng/cửa vào lớn thì lấy tọa độ vị trí trung tâm của cổng/cửa vào của Đối tượng làm tọa độ của địa chỉ.

b) Các trường thông tin nâng cao:

(1) Tên, số điện thoại di động, email của chủ sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ nhà ở, cơ sở sản xuất, kinh doanh, công trình của cá nhân, hộ gia đình).

(2) Tên, số điện thoại di động, email của người đại diện theo pháp luật của tổ chức sở hữu đối tượng được gán địa chỉ số (đối với địa chỉ trụ sở cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp hoặc công trình thuộc sở hữu tập thể).

(3) Tên, số điện thoại di động, email của người đang sử dụng/quản lý đối tượng được gán địa chỉ số.

(4) Khuyến khích UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số nghiên cứu, bổ sung các trường thông tin nâng cao để tăng giá trị sử dụng Nền tảng địa chỉ số phù hợp nhu cầu khai thác, sử dụng và phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Nguyên tắc gán địa chỉ số

3.1. Một Đối tượng nếu có nhiều lối tiếp cận (lối vào) khác nhau từ đường giao thông (ví dụ cổng trước, cổng sau của 1 ngôi nhà) thì có thể được gán nhiều địa chỉ số; mỗi địa chỉ tương ứng với một lối tiếp cận Đối tượng.

3.2. Đối với Đối tượng có nhiều địa chỉ số (có nhiều lối tiếp cận/lối vào) thì trường thông tin về “Tên hoặc dấu hiệu nhận biết đối tượng” của mỗi địa chỉ số của Đối tượng đó cần ghi rõ thông tin phân biệt (ví dụ: cổng trước hoặc cổng sau của Tòa nhà xxx).

3.3. Đối với loại Đối tượng có kết cấu theo chiều dài tiếp giáp dọc đường giao thông và có thể tiếp cận đối tượng từ bất cứ chỗ nào dọc đoạn đường giao thông đó (ví dụ 1 quả đồi, công viên có đường vòng quanh và không có hàng rào) thì cách gán địa chỉ số cho Đối tượng áp dụng như đối với đường giao thông (đường phố, ngõ, ngách, ...), theo đó địa chỉ số của Đối tượng sẽ gồm địa chỉ điểm đầu, địa chỉ điểm cuối và địa chỉ các nút giao, cắt của con đường.

Phụ lục II
PHÂN LOẠI ĐỐI TƯỢNG GÁN ĐỊA CHỈ SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

Đối tượng gán địa chỉ số được phân thành các loại như sau:

I. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình

1. Nhà ở cá nhân, hộ gia đình; nhà ở tập thể, khu nhà trọ; căn hộ (trong các toà nhà, chung cư); nơi cư trú khác.

II. Trụ sở cơ quan, tổ chức

2. Trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội: (i) trụ sở Bộ, ban, ngành, cơ quan Trung ương và đơn vị trực thuộc; (ii) Trụ sở Tỉnh uỷ, UBND, HĐND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, cơ quan sở, ban, ngành và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh; (iii) Trụ sở Huyện uỷ, UBND, HĐND quận, huyện và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp huyện; (iv) Trụ sở Đảng uỷ, UBND, HĐND phường, xã và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp xã; (v) Trụ sở toà án, viện kiểm sát và đơn vị trực thuộc, đơn vị chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện; (vi) Nhà tù, trại giam, trại giáo dưỡng; (vii) Trụ sở các cơ quan đoàn thanh niên, hội phụ nữ, công đoàn; (viii) Trụ sở các hội, hiệp hội, liên hiệp hội và tổ chức chính trị - xã hội khác; (ix) Trụ sở các cơ quan nhà nước khác, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp khác, cơ quan chuyên môn của nhà nước.

3. Trụ sở cơ quan ngoại giao, tổ chức quốc tế, tổ chức nước ngoài.

III. Các cơ sở dân sinh, kinh tế - xã hội

4. Cơ sở giáo dục, đào tạo: (i) Cơ sở giáo dục mầm non (nhà trẻ, trường/cơ sở mẫu giáo, mầm non); (ii) Cơ sở giáo dục/trường tiểu học; (iii) Cơ sở giáo dục/trường trung học cơ sở; (iv) Cơ sở giáo dục/trường trung học phổ thông, trường phổ thông liên cấp; (v) Cơ sở/trung tâm giáo dục thường xuyên; (vi) Cơ sở đào tạo/trường cao đẳng, đại học; (vii) Cơ sở đào tạo/trường dạy nghề, công nhân kỹ thuật, trung học chuyên nghiệp; (viii) Cơ sở/trung tâm đào tạo (ngoại ngữ, tin học, nghiệp vụ chuyên ngành, âm nhạc, mỹ thuật, kỹ năng sống, kỹ năng chuyên môn, ...); (ix) Cơ sở/trung tâm tư vấn giáo dục, đào tạo, du học; (x) Cơ sở giáo dục đào tạo khác.

5. Cơ sở y tế, dược phẩm: (i) Cơ sở y tế, khám chữa bệnh: bệnh viện đa khoa, bệnh viện chuyên khoa, trạm y tế, trung tâm y tế, điểm/phòng khám chữa bệnh, trung tâm xét nghiệm, trung tâm thí nghiệm y tế, sinh học, khu cách ly y tế, bệnh viện/trại tâm thần, cơ sở y tế khác; (ii) Cơ sở chăm sóc sức khỏe: cơ sở/trung tâm chăm sóc sức khỏe, thẩm mỹ viện, spa, massage, tatoo, cơ sở dưỡng lão, cơ sở chăm sóc sức khỏe khác; (iii) Cơ sở thú y: bệnh viện thú y, trạm thú y, cơ sở thú y khác; (iv) Cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế: nhà thuốc, cửa hàng dược, cửa hàng thiết bị y tế, công ty/cơ sở sản xuất chế biến dược phẩm, công ty/cơ sở sản xuất thiết bị y tế; cơ sở dược phẩm, thiết bị y tế khác.

6. Cơ sở kinh doanh, bán buôn, bán lẻ, dịch vụ tư vấn, môi giới, sửa chữa, cho thuê: (i) chợ, siêu thị: chợ, chợ đầu mối, siêu thị, toà nhà thương mại, trung tâm mua sắm; (ii) cửa hàng bán lẻ, bán buôn: cửa hàng, cửa hiệu, đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, show room, cơ sở bán buôn, bán lẻ khác; (iii) Cơ sở dịch vụ công chứng, môi giới, quảng cáo: phòng công chứng, trung tâm tư vấn, trung tâm môi giới bất động sản, trung tâm quảng cáo, cơ sở môi giới khác; (iv) Cơ sở dịch vụ xe - máy, sửa chữa: đại lý xe - máy, cơ sở kinh doanh buôn bán xe - máy, đại lý cho thuê, trung tâm bảo hành, gara sửa chữa, cửa hàng sửa chữa, cơ sở dịch vụ xe - máy, dịch vụ sửa chữa khác; (v) Cơ sở dịch vụ studio, ảnh viện, dịch vụ cưới hỏi,

7. Cơ sở văn hoá: Trung tâm hội nghị, hội thảo, nhà văn hóa, câu lạc bộ; Bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; Nhà hát, trung tâm ca nhạc, điểm biểu diễn, rạp chiếu phim, rạp xiếc, rạp múa rối, cơ sở biểu diễn nghệ thuật khác; Di tích lịch sử, nhà/khu bảo tồn văn hoá; Cơ sở văn hóa khác;

8. Cơ sở thể dục, thể thao: Sân vận động, sân bóng đá, sân thi đấu, nhà thi đấu, sân tennis, sân thể thao ngoài trời, sân gôn, sân thể thao khác; Khu tập luyện thể thao, bể bơi, phòng tập gym, yoga, điểm tập luyện thể dục thể thao khác; Cửa hàng, cơ sở bán trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Cơ sở sản xuất trang thiết bị, công cụ, dụng cụ thể thao; Các cơ sở thể thao khác.

9. Cơ sở, địa danh du lịch, giải trí, ăn uống, lưu trú, đi lại: (i) Điểm du lịch, đi lại: điểm du lịch, danh lam, thắng cảnh, công viên cây xanh, vườn bách thảo, sở thú, khu bảo tồn, khu sinh thái, bãi biển, điểm checkin; bến xe, bến tàu, sân bay, điểm đón trả khách; ... (ii) Cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại: đại lý du lịch, trung tâm thông tin du lịch, điểm đặt tour du lịch, trung tâm điều hành tour du lịch, đại lý vé máy bay, tàu, thuyền, cơ sở dịch vụ du lịch, đi lại khác (ii) Cơ sở giải trí: điểm vui chơi giải trí, vũ trường, karaoke, quán bi-a, quán game, cơ sở vui chơi giải trí khác,...; (iii) Cơ sở ẩm thực, ăn uống: khu ẩm thực, nhà hàng, quán ăn, hàng ăn, quán bia, quán rượu, quán bar, pub, quán cà phê, quán giải khát,... (iv) Cơ sở lưu trú: khu nghỉ dưỡng, resort, khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, homestay, ký túc xá, nhà trọ; (v) Cơ sở du lịch, ăn uống, lưu trú, đi lại khác.

10. Cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng: đình, đền, chùa, miếu thờ, nhà thờ, tượng phật, tượng thánh, nhà tưởng niệm, nhà tang lễ, lăng mộ, nghĩa trang, cơ sở hoá táng, cửa hàng đồ ma chay hiếu hỉ thờ cúng, công trình tôn giáo khác.

11. Cơ sở bưu chính, viễn thông: (i) Bưu chính, chuyển phát: bưu cục, điểm giao nhận hàng chuyển phát, trung tâm chia chọn, trụ sở doanh nghiệp bưu chính chuyển phát, điểm văn hoá xã, cơ sở bưu chính khác; (ii) Viễn thông - Internet: điểm giao dịch viễn thông - internet, đại lý internet, trụ sở doanh nghiệp viễn thông - internet, cơ sở viễn thông, công trình viễn thông, cột ăng ten viễn thông, trạm chuyển phát, cột/đường cáp tín hiệu, các cơ sở công trình viễn thông khác.

12. Cơ sở, công trình báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình: trụ sở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, nhà trạm phát sóng, cột ăng ten phát thanh truyền hình, trạm chuyển phát, các cơ sở, công trình báo chí, phát thanh, truyền hình khác.

13. Các cơ sở, doanh nghiệp công nghệ số: trụ sở các doanh nghiệp công nghệ thông tin, doanh nghiệp điện tử, doanh nghiệp nền tảng số, trung tâm phần mềm, phòng thí nghiệm, thử nghiệm công nghệ (test lab), cơ sở nghiên cứu công nghệ, các cơ sở công nghệ số khác.

14. Các cơ sở ngân hàng, tài chính, bảo hiểm: (i) Cơ sở ngân hàng: trụ sở ngân hàng, điểm giao dịch tín dụng, cây ATM, điểm đổi tiền, trung tâm trung gian tiền tệ, cơ sở dịch vụ ngân hàng khác; (ii) Cơ sở tài chính: trụ sở các tổ chức tài chính, cơ sở dịch vụ tài chính, quỹ đầu tư; (iii) Cơ sở chứng khoán: trụ sở các tổ chức chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán; (iv) Cơ sở kinh doanh vàng bạc đá quý và đồ trang sức; (v) trụ sở các tổ chức bảo hiểm, cơ sở dịch vụ bảo hiểm; (vi) Các cơ sở dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm khác.

15. Cơ sở vận tải, logistic: bến xe, bến tàu thuyền, bến cảng, nhà ga, sân bay, bến hành khách, bến hàng hoá, âu tàu, khu chuyên tải; khu neo đậu; khu tránh, trú bão, bến phà, bến đò, bến sông, kho bãi, trạm thu phí, điểm dừng chân, điểm đón trả khách, trạm chờ xe buýt, bãi đỗ xe, đại lý vận tải, đại lý giao nhận, đại lý dịch vụ logistic, cửa hàng/Trạm bán lẻ xăng, dầu, khí hóa lỏng; trạm cấp/sạc điện, pin điện, thay ắc quy, các cơ sở vận tải, logistic khác.

16. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ: nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp thực phẩm (bánh, kẹo, sữa, mỳ ăn liền, rượu, bia, nước giải khát; nhà máy, cơ sở sản xuất chế biến nông, thủy, hải sản; nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp tiêu dùng (dệt, sợi, in, nhuộm, may mặc, da, giày, nhựa, thủy tinh, giấy, thuốc lá, vi tính, điện tử); các cơ sở sản xuất công nghiệp nhẹ khác.

17. Nhà máy, công xưởng, cơ sở sản xuất công nghiệp nặng: nhà máy, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng, sản phẩm xây dựng; nhà máy, cơ sở luyện kim và cơ khí chế tạo; cơ sở khai thác mỏ và chế biến khoáng sản; cơ sở khai thác, chế biến, lưu trữ dầu khí; nhà máy, cơ sở sản xuất, công trình điện (nhiệt điện, thủy điện, điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều, điện khí, đường dây và trạm biến áp); nhà máy, cơ sở sản xuất hoá chất (sản xuất phân bón và hóa chất bảo vệ thực vật; sản xuất sản phẩm hóa chất cơ bản, hóa dầu, hóa dược, hóa mỹ phẩm và hóa chất khác; sản xuất sản phẩm nguồn điện hóa học; sản xuất, kho trạm chiết nạp khí công nghiệp; sản xuất sản phẩm cao su; sản xuất, chứa vật liệu nổ, tiền chất thuốc nổ; các cơ sở sản xuất công nghiệp nặng khác.

IV. Các công trình giao thông, xây dựng

18. Đường giao thông: đường cao tốc, đường ô tô, đường trong đô thị, đường nông thôn, đường chuyên dùng, đường xe đạp, đường đi bộ, đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng, cầu, nút giao thông (ngã ba, ngã tư, ...), hầm đi bộ sang đường, cầu đi bộ sang đường, các cơ sở hạ tầng giao thông khác;

19. Công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp nước (nhà máy nước, trạm bơm cung cấp nước); Công trình thoát nước (hồ điều hoà, trạm bơm thoát nước, trạm xử lý nước thải, trạm bơm nước thải, trạm xử lý bùn); Cơ sở xử lý chất thải rắn (CTR); các cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật khác.

20. Công trình xây dựng khác: gồm các loại công trình xây dựng theo quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng không nằm trong các loại nêu trên.

21. Cấu trúc xây dựng, cấu trúc vật lý gắn liền với đất (nhưng chưa được xếp loại công trình liệt kê ở trên) như cột cấp nước cứu hoả, cột đèn đường, cột biển báo giao thông, cây ATM, ...

V. Các khu, phân khu, lô đất, thửa đất

22. Các khu đô thị, khu thương mại dịch vụ, khu công nghệ cao, khu công nghệ thông tin tập trung, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu nông nghiệp công nghệ cao, khu nông nghiệp đặc thù, các loại khu, phân khu khác.

23. Các thửa đất, lô đất, khu đất: đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị; đất xây dựng trụ sở; Đất xây dựng công trình sự nghiệp; Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp; đất nông nghiệp (gồm đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối, và đất nông nghiệp khác.

VI. Các đối tượng khác

24. Cấu trúc tự nhiên gắn liền với đất (như mỏm đá, ao, hồ, gò, đồi, núi, ...).

25. Các loại địa điểm, công trình, cấu trúc vật lý, đối tượng gắn liền với đất khác cần xác định vị trí.

Phụ lục III

PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ NĂM 2022

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam)

A. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CƠ BẢN NĂM 2022:

- 100% đối tượng được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số; Khuyến khích thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

- 100% chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ số được phân loại tại mục I, II Phụ lục II Kế hoạch này được thông báo thông tin Mã địa chỉ số; Khuyến khích thông báo cho các đối tượng tại mục III phụ lục II của Kế hoạch này.

- Có ít nhất một ứng dụng bản đồ số được đưa vào sử dụng.

B. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỦA KẾ HOẠCH

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
I	Xây dựng các Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số			
1	Xây dựng Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số tỉnh Hà Nam	Sở Thông tin và Truyền thông		Tháng 5/2022
2	Xây dựng Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số của doanh nghiệp	Bưu điện tỉnh		Tháng 5/2022
II	Nhiệm vụ triển khai Kế hoạch phát triển Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số			
1	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật			
1.1	Thiết lập hệ thống hạ tầng kỹ thuật, website và ứng dụng di động Nền tảng địa chỉ số	Bưu điện tỉnh		Tháng 6/2022

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
1.2	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật Nền tảng bản đồ số để tích hợp với hệ thống nền tảng địa chỉ số quốc gia. Cập nhật, bổ sung dữ liệu giao thông phục vụ Nền tảng bản đồ số			Tháng 6/2022
1.3	Xây dựng hệ thống, công cụ, phần mềm, ứng dụng di động (mobile app) để thu thập, cập nhật, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu địa chỉ số và cung cấp dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			Tháng 6/2022
1.4	Triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin và bảo mật cho nền tảng và cơ sở dữ liệu địa chỉ số			Tháng 6-7/2022
2	Tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu địa chỉ số			
2.1	Thu thập, cập nhật, bổ sung dữ liệu thông tin địa chỉ số (các trường thông tin cơ bản) cho các đối tượng Phụ lục II vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	Bưu điện tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6-8/2022
2.2	Thu thập, bổ sung các trường thông tin nâng cao của địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia (tối thiểu cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)			Tháng 6-10/2022
3	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số			
3.1	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ về địa chỉ số như: tìm kiếm địa chỉ, gợi ý địa chỉ số, xác thực địa chỉ, định danh tọa độ/địa chỉ và các dịch vụ địa chỉ số khác	Bưu điện tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6- 12/2022
3.2	Triển khai và thúc đẩy sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu địa chỉ số phục vụ nhu cầu nghiệp vụ, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp			

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
3.3	Thúc đẩy chia sẻ dữ liệu, kết hợp xây dựng nền tảng bản đồ số và phát triển các ứng dụng bản đồ số phục vụ các ngành, lĩnh vực như: bản đồ dịch tễ, bản đồ vùng an toàn dịch bệnh, bản đồ y tế, bản đồ giáo dục, bản đồ du lịch, bản đồ nông sản, bản đồ cột nước cứu hỏa, v.v....		Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố và doanh nghiệp phát triển Nền tảng bản đồ số	Tháng 5- 12/2022
3.4	Triển khai các dịch vụ ứng dụng nền tảng địa chỉ số gắn với bản đồ số khác.		Nền tảng bản đồ số	Tháng 5- 12/2022
4	Thông báo địa chỉ số và gắn biển địa chỉ số			
4.1	Xây dựng phương án thông báo địa chỉ số cho chủ địa chỉ hoặc người đang khai thác, sử dụng địa chỉ	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh	Tháng 6-7/2022
4.2	Tổ chức thông báo thông tin Mã địa chỉ số đến chủ sở hữu và người quản lý đối tượng được gán địa chỉ	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022
4.3	Triển khai gắn biển địa chỉ số cho các đối tượng Phụ lục II vào cơ sở dữ liệu địa chỉ số quốc gia (ưu tiên cho các đối tượng tại các mục I, II Phụ lục II)	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông; Bưu điện tỉnh	Tháng 6-12/2022

STT	Nội dung	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian hoàn thành
5	Tổ chức công tác thông tin, tuyên truyền			
5.1	Tuyên truyền trên Cổng Thông tin điện tử của tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6/2022
5.2	Tuyên truyền trên Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Nam; Báo Hà Nam	Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Báo Hà Nam		Tháng 6-12/2022
5.3	Tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh cơ sở	UBND các huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Tháng 6-12/2022
5.4	Triển khai tập huấn, hướng dẫn địa phương, doanh nghiệp sử dụng, khai thác Nền tảng địa chỉ số	Bưu điện tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	Tháng 6-12/2022
6	Chủ trì phối hợp doanh nghiệp phát triển nền tảng địa chỉ số, doanh nghiệp phát triển nền tảng bản đồ số thu thập, cập nhật thông tin các đối tượng địa chỉ khác để xây dựng các bản đồ số chuyên ngành.	Bưu điện tỉnh	Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Tài nguyên và Môi trường	Tháng 6-12/2022